

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 17- 8- 2018

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/TLST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX ST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần thương mại T

Địa chỉ trụ sở: Số 171, C2, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn 10 xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, chức vụ: Phó giám đốc Công ty (Theo giấy ủy quyền số 03/2018/UQ ngày 16 tháng 7 năm 2018); có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Y, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trịnh Văn T trình bày:

Ngày 01 tháng 5 năm 2015, Công ty cổ phần Thương mại T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty Cổ phần xây dựng 208 (gọi tắt là công ty xây dựng 208) ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/05/2015/HĐKT 208-TRP về việc gia công các loại cửa gỗ theo thiết kế 02 Block nhà 3 tầng thuộc Dự án khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại Hải Phòng. Cùng ngày Công ty T đã ký với ông Lê Văn Y Hợp đồng không số 2015/HĐKT trong đó hai bên nhất trí việc để ông Y thực hiện việc cung cấp và gia công lắp đặt cửa gỗ bao gồm cả vật tư, nhân công. Tổng giá trị hợp đồng là 752.470.909đ (Bảy trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh chín đồng).

Phương thức thanh toán: Sau khi lắp dựng hoàn chỉnh chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán, Công ty T sẽ thanh toán cho ông Y 80% giá trị hợp đồng. Khi có quyết toán công trình được chủ đầu tư xác nhận và thanh toán, Công ty T sẽ thanh toán cho ông Y tới 90% giá trị hợp đồng, giá trị tạm ứng sẽ được trừ vào giá trị thanh toán. Giá trị bảo hành: 10% giá trị quyết toán, thời hạn bảo hành 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời đã tạm ứng tiền cho ông Y 02 lần: lần 1 ngày 25 tháng 6 năm 2015 tạm ứng 90.000.000đồng, lần 2 vào ngày 12 tháng 8 năm 2015 tạm ứng 70.000.000đồng. Ngoài ra ông Y còn thay mặt Công ty T nhận tạm ứng tại Công ty xây dựng 208 số tiền 60.000.000đồng. Tổng số tiền ông Y đã nhận tạm ứng để mua vật tư trả nhân công là 220.000.000đồng. Về phía ông Y không thực hiện nghĩa vụ đúng theo hợp đồng hai bên đã ký, tự ý chấm dứt hợp đồng vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 mà không có bất cứ thông báo hoặc giải trình cho Công ty T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y mới làm được phần việc nấp đặt 1234,34m dài khuôn cửa gỗ có trị giá 88.750.280đ (Tám mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn, hai trăm tám mươi đồng). Hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của ông Y dẫn tới việc Công ty xây dựng 208 phạt hợp đồng đối với Công ty T và yêu cầu thanh toán số tiền mà Công ty xây dựng 208 đã phải thuê người khác làm phần việc ông Y còn thiếu để đảm bảo thời hạn công trình với chủ đầu tư. Công ty T đề nghị Tòa án buộc ông Y phải thanh toán cho Công ty số tiền 376.148.135đồng trong đó bao gồm các khoản như sau tiền Công ty T và khoản tiền của Công ty ông Y đã nhận tạm ứng từ Công ty xây dựng 208 là 220.000.000đồng, tiền chi phí sơn khuôn cửa mà Công ty xây dựng 208 thuê người khác làm là 74.060.400đồng, tiền Công ty T phạt hợp đồng đối với ông Y là 82.087.735đồng. Số tiền này được tính bù trừ với giá trị khối lượng công việc ông Y đã làm 88.750.280đồng. Như vậy, số tiền mà ông Y phải trả lại cho Công ty T là 376.148.135 đồng- 88.750.280 đồng = 287.397.855đồng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa, Công ty T có quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể Công ty T chỉ đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn Y phải thanh toán cho Công ty số tiền là 148.309.720đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) như quan điểm của ông Y đã đồng ý thanh toán cho Công ty theo biên bản hòa giải ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án và không có yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Lê Văn Y trình bày:

Ông Lê Văn Y xác nhận có ký kết với Công ty T Hợp đồng không số 2015/HĐKT trong đó hai bên nhất trí việc để ông thực hiện việc cung cấp và gia công lắp đặt cửa gỗ. Tổng giá trị hợp đồng là 752.470.909đ (Bảy trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh chín đồng).

Sau khi ký kết hợp đồng ông đã nhận 03 lần tạm ứng số tiền: lần 1 ngày 25 tháng 6 năm 2015 tạm ứng 90.000.000đồng, lần 2 vào ngày 12 tháng 8 năm 2015 tạm ứng 70.000.000đồng, lần 3 là 60.000.000đồng. Tổng cộng 3 lần là 220.000.000đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông mới làm được phần việc với giá 88.750.280đồng như Công ty T đã trình bày.

Nay Công ty T khởi kiện yêu cầu ông phải thanh toán cho Công ty số tiền là 287.397.855đồng. Trong đó gồm 220.000.000đồng tiền tạm ứng, tiền chi phí sơn khuôn cửa mà Công ty xây dựng 208 thuê người khác làm là 74.060.400đồng, tiền Công ty T phạt hợp đồng đối với ông là 82.087.735đồng. Quan điểm của ông đồng ý sẽ thanh toán trả lại cho Công ty số tiền là 220.000.000đồng - 88.750.280đồng = 131.249.720đồng. Đối với yêu cầu phạt hợp đồng của Công ty T đưa ra ông chỉ chấp nhận trả cho Công ty số tiền 10.000.000đồng. Đối với yêu cầu bồi thường chi phí sơn khuôn cửa ông không đồng ý và chỉ chấp nhận bồi thường cụ thể $1234,34m \times 6.000đ/m = 7.060.000đồng$. Tổng số tiền ông đồng ý trả cho Công ty T là 148.309.720đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên đánh giá: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã vi phạm các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 70, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 388, 389, 401, 402, 404, 405, 412, 422 Bộ luật Dân sự năm 2005, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc ông Lê Văn Y phải trả lại cho Công ty T số tiền 148.309.720đồng. Về án phí: Buộc ông Lê Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty T được chấp nhận, trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty T có đơn khởi kiện bị đơn ông Lê Văn Y yêu cầu trả lại số tiền đã tạm ứng, bồi thường và khoản tiền phạt phát sinh từ Hợp

đồng hai bên đã ký. Như vậy, xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng dân sự, theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Văn Y có địa chỉ tại xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc vắng mặt của bị đơn ông Lê Văn Y: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lê Văn Y nhưng tại phiên tòa lần hai ông Y tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn Y.

[4] Xét về Hợp đồng giữa Công ty T và ông Lê Văn Y: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự có đủ cơ sở xác định Công ty T và ông Lê Văn Y đã ký Hợp đồng không số 2015/HĐKT trong đó hai bên nhất trí việc để ông Y thực hiện việc cung cấp và gia công lắp đặt cửa gỗ bao gồm cả vật tư, nhân công theo thiết kế 02 Block nhà 3 tầng thuộc Dự án khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại Hải Phòng. Tổng giá trị hợp đồng là 752.470.909đ (Bảy trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh chín đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên không có ý kiến, thay đổi gì về nội dung hợp đồng.

Như vậy, xác định hợp đồng trên đã được các bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên buộc các bên phải thực hiện.

[5] Xét về yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với ông Lê Văn Y:

Sau khi ký hợp đồng, Công ty T đã tạm ứng cho ông Lê Văn Y số tiền 220.000.000đồng và ông Y cũng đã tiến hành làm một số hạng mục công trình theo nội dung hợp đồng hai bên đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thống nhất xác định số tiền tạm ứng ông Y đã nhận cũng như khối lượng công việc ông Lê Văn Y đã hoàn thành số khuôn cửa gỗ 1234,34m dài có trị giá 88.750.280đồng. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Công ty T và ông Lê Văn Y không thống nhất được khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng cũng như khoản tiền thuê người khác làm nốt phần việc ông Y còn thiếu cũng như thời điểm ông Y chấm dứt hợp đồng. Tại phiên hòa giải ngày 26 tháng 10 năm 2017 ông Y chỉ chấp nhận thanh toán cho Công ty T các khoản tiền sau: 220.000.000đồng tiền ông Y đã tạm ứng để thực hiện hợp đồng; bồi thường chi phí sơn khuôn cửa 7.060.000đồng; khoản tiền phạt 10.000.000đồng. Tổng cộng là 237.060.000 đồng, số tiền này trừ đi trị giá khối

lượng công việc ông đã làm 88.750.280đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Y đồng ý trả cho Công ty cổ phần T là 148.309.720đồng (220.000.000đồng – 88.750.289đồng = 148.309.720 đồng). Ngày 09 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa, Công ty T có quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn Y cụ thể Công ty chỉ đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn Y phải thanh toán cho Công ty số tiền 148.309.720đồng như quan điểm của ông Y đã đồng ý thanh toán cho Công ty tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 10 năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T đưa ra là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận buộc ông Lê Văn Y phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền 148.309.720đồng.

[6] Đối với số tiền Công ty xây dựng 208 đã giao cho ông Lê Văn Y, Công ty có quan điểm khoản tiền này là do Công ty ứng Công ty T ông Y chỉ đến nhận theo sự đồng ý của Công ty T, không liên quan gì đến ông Y. Mặt khác, số tiền cũng đã được Công ty và Công ty T quyết toán cho nhau theo bản đối chiếu công nợ giữa hai Công ty nên Công ty không có quyền lợi liên quan gì đến số tiền ông Y đã nhận từ Công ty. Do đó, Công ty từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa Công ty cổ phần xây dựng 208 vào tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

[7] Về án phí: Ông Lê Văn Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần thương mại T được chấp nhận. Trả lại cho Công ty Cổ phần thương mại T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện A, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 388, 389, 401, 402, 404, 405, 412, 422 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại T đối với ông Lê Văn Y. Buộc ông Lê Văn Y phải trả lại cho Công ty Cổ phần thương mại T số tiền 148.309.720đ đ (Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Công ty Cổ phần thương mại T được nhận số tiền 148.309.720đ (Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm chín nghìn bảy trăm hai mươi nghìn đồng) do ông Lê Văn Y trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn Y phải nộp 7.415.486đ (Bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Công ty Cổ phần thương mại T số tiền 7.185.000đ (Bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự Công ty đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004249 ngày 08 tháng 8 năm 2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Văn Y vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thư Nguyễn Thị Lợi

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương